TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ;ộc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/DS-ST
Ngày 10 – 01 – 2025
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 496/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2024/ QĐXXST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1951 (Có mặt);
Bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1957 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tân Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Ấp Tân Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2024 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Mã Văn L, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).
Bà Trịnh Thị N, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hiệp Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C trình bày:

Vợ chồng ông có chơi hụi do vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N làm chủ, đứng ra tổ chức thu tiền hụi viên. Trong quá trình tham gia chơi hụi, vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N tuyên bố bể hụi và còn nợ vợ chồng ông số tiền của dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), mở vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 âm lịch, hụi gồm có 45 chưng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 30 hàng tháng, vợ chồng ông tham gia 02 chưng, tiền huê hồng hụi 1.000.000 đồng. Trong danh sách dây hụi với tên là Tư H ở vị trí thứ tự số 28, vợ tư H ở vị trí thứ tự số 29 trong giấy tờ hụi. Khi tham gia chơi hụi, vợ chồng ông đã đóng hụi đúng và đầy đủ theo thoả thuận với vợ chồng ông L, bà N. Tuy nhiên, khi vợ chồng ông đóng hụi được đến lần thứ 11, thì ngày 20/4/2024 âm lịch vợ chồng ông L, bà N tuyên bố đình hụi không rõ lý do và cũng không tính toán để hoàn trả lại cho vợ chồng ông số tiền nợ hụi đã đóng. Cụ thể số tiền vợ chồng ông được hưởng đối với dây hụi này là: 02 chưng x 11 lần đóng x 2.000.000 đồng = 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng). Sau khi hai bên tự thương lượng tại địa phương thì vợ chồng ông L, bà N có thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) còn lại là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Vợ chồng ông L, bà N có hứa trả cho vợ chồng ông nhưng ông L, bà N không thực hiện. Nay vợ chồng ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Mã Văn L và bà Trịnh Thị N thanh toán cho vợ chồng ông số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày: Trước đây vợ chồng bà có tổ chức chơi hụi do vợ chồng bà làm chủ hụi, vợ chồng ông H, bà C là hụi viên. Quá trình chơi hụi do các hụi viên khác hốt hụi và không đóng tiền hụi chết lại cho vợ chồng bà dẫn đến vợ chồng bà mất khả năng thanh toán nên vợ chồng bà có mời các hụi viên đến và thông báo đình hụi. Đối với dây hụi này vợ chồng bà còn nợ vợ chồng ông H, bà C số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Nay vợ chồng ông H, bà C yêu cầu vợ chồng bà thanh toán cho vợ chồng ông H, bà C số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì vợ chồng bà đồng ý.

Đối với ông Mã Văn L trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần cho ông Mã Văn L đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông L vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hụi, ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp Hiệp Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà N theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Các nguyên đơn xác định các bị đơn còn nợ các nguyên đơn số tiền hụi là 40.000.000 đồng, đây là tổng số tiền hụi của 02 chưng hụi trong 01 dây hụi do các bị đơn là chủ hụi, các nguyên đơn là hụi viên.

Xét yêu cầu của các nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hụi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vợ chồng ông L, bà N tổ chức chơi hụi, mời các hụi viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn bà Trịnh Thị N nên đây là sự thật các nguyên đơn không cần phải chứng minh. Đối với ông L quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông L không đến Tòa cũng không gửi ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà các nguyên đơn và bị đơn bà Trịnh Thị N cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho các nguyên đơn tổng số tiền hụi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

[4] Trong số tiền hụi các nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hụi. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các nguyên đơn, các bị đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C.

Buộc vợ chồng ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N thanh toán cho cho vợ chồng ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C số tiền hụi là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mã Văn L, bà Trịnh Thị N phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*, chưa nộp).

Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí. Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị C được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung